

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/2007/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH**quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật Công an nhân dân****CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày
29 tháng 11 năm 2005;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công
an,*

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân về tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân; hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân; biệt phái sĩ quan Công an nhân dân; áp dụng biện

pháp nghiệp vụ Công an nhân dân; chế độ chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân; chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi phục vụ trong Công an nhân dân; khen thưởng đối với Công an nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thực hiện quy định của Nghị định này và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

Chương II

TUYỂN CHỌN CÔNG DÂN VÀO
CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 3. Mục tiêu, nguyên tắc tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân

1. Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân nhằm bổ sung, tăng cường và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu của Công an nhân dân trong từng thời kỳ. Ưu tiên tuyển chọn bổ sung cho lực lượng trực tiếp chiến đấu.

2. Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân bảo đảm đúng quy trình, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chuẩn và điều kiện đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Quá trình tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân phải bảo đảm thực hiện đúng quy chế dân chủ trong công tác tuyển sinh, tuyển dụng và trong công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

4. Hằng năm, căn cứ vào yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng biên chế của Công an nhân dân. Căn cứ vào biên chế được phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Công an phân bổ chỉ tiêu và hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân.

Điều 4. Tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể được tuyển chọn vào Công an nhân dân khi có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Trung thành với tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng; gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt; có sức khỏe, trình độ học vấn và năng khiếu phù hợp với công tác công an; có nguyện vọng phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân.

2. Giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân đối với từng lực lượng, từng vùng miền và từng thời kỳ cụ thể.

Điều 5. Ưu tiên tuyển chọn sinh viên, học sinh vào Công an nhân dân

1. Công an nhân dân được ưu tiên tuyển chọn sinh viên, học viên tốt nghiệp xuất sắc ở các học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề; có đủ tiêu chuẩn để đào tạo, bổ sung vào Công an nhân dân.

2. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan hữu quan quy định cụ thể về thủ tục tuyển chọn sinh viên, học viên tốt nghiệp xuất sắc vào Công an nhân dân. Các cơ sở đào tạo có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện cho Bộ Công an thực hiện việc tuyển chọn sinh viên, học viên xuất sắc theo yêu cầu.

3. Việc tuyển chọn sĩ quan, hạ sĩ quan được đào tạo các chuyên ngành phù hợp tại các trường của Quân đội nhân dân vào Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 6. Tuyển chọn, đào tạo công dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo vào Công an nhân dân

1. Để bảo đảm an ninh, trật tự tại các địa bàn trọng yếu, hàng năm Bộ Công an được ưu tiên tuyển chọn công dân là người dân tộc thiểu số hoặc công dân khác có thời gian thường trú từ 10 năm liên tục trở lên ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo vào Công an nhân dân.

2. Bộ Công an có kế hoạch tuyển chọn, công khai chi tiêu, tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn và thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng văn hóa, nghiệp vụ, pháp luật phù hợp với yêu cầu công tác của Công an nhân dân; chủ trì, phối hợp với các Bộ,

ngành liên quan quy định và thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Chọn cử học sinh, sinh viên, cán bộ Công an nhân dân đào tạo tại các cơ sở giáo dục ngoài Công an nhân dân

1. Bộ Công an được chọn cử học sinh, sinh viên, cán bộ Công an nhân dân đến các cơ sở giáo dục ngoài Công an nhân dân để đào tạo ngành nghề thích hợp phục vụ nhiệm vụ công tác công an.

2. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan hữu quan quy định cụ thể về thủ tục chọn cử học sinh, sinh viên và cán bộ Công an nhân dân đến đào tạo tại các cơ sở giáo dục ngoài Công an nhân dân.

Chương III

HẠN TUỔI PHỤC VỤ CỦA SĨ QUAN CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 8. Hạn tuổi phục vụ cao nhất và điều kiện xét kéo dài tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân

1. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan Công an nhân dân quy định cụ thể như sau:

Cấp úy: nam 50, nữ 50;

Thiếu tá, Trung tá: nam 55, nữ 53;

Thượng tá: nam 58, nữ 55;

Đại tá, cấp tướng: nam 60, nữ 55.

2. Sĩ quan Công an nhân dân được xét kéo dài tuổi phục vụ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đơn vị trực tiếp sử dụng sĩ quan hoặc đơn vị khác trong Công an nhân dân thực sự có nhu cầu.

b) Sĩ quan Công an nhân dân có phẩm chất tốt, sức khỏe tốt, tự nguyện và có một trong các điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ sau:

- Cán bộ nghiên cứu khoa học trong Công an nhân dân có chức danh giáo sư, phó giáo sư; trình độ tiến sĩ; danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú;

- Cán bộ trong Công an nhân dân đang tham gia vào chương trình, đề tài khoa học cấp Nhà nước; chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực công tác của Công an nhân dân;

- Trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 9. Thời hạn, thẩm quyền kéo dài tuổi phục vụ trong Công an nhân dân

1. Sĩ quan Công an nhân dân có đủ điều kiện quy định tại Điều 8 có thể được kéo dài tuổi phục vụ một hoặc nhiều lần, mỗi lần không quá 2 năm nhưng thời hạn tối đa không quá 5 năm.

2. Trường hợp xét kéo dài tuổi phục

vụ của sĩ quan Công an nhân dân có cấp bậc hàm từ Thiếu tướng, chức vụ từ Tổng Cục trưởng trở lên do Bộ trưởng Bộ Công an trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Trường hợp xét kéo dài tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân có cấp bậc hàm từ Đại tá, chức vụ từ Phó tổng cục trưởng trở xuống do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

Điều 10. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan được kéo dài tuổi phục vụ

1. Sĩ quan Công an nhân dân được kéo dài tuổi phục vụ thì thôi giữ chức vụ quản lý, chỉ huy.

2. Trường hợp đặc biệt, đối với sĩ quan giữ chức vụ do bổ nhiệm có thời hạn và được kéo dài tuổi phục vụ được cấp có thẩm quyền quyết định thì vẫn được giữ chức vụ quản lý, chỉ huy cho đến hết thời hạn bổ nhiệm.

3. Sĩ quan được kéo dài tuổi phục vụ được hưởng lương và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

Điều 11. Nghi hưu trước hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân

1. Sĩ quan Công an nhân dân đủ tuổi phục vụ quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định này, nếu đủ năm đóng bảo hiểm xã hội theo quy định thì được cơ quan có thẩm quyền thực hiện chế độ nghỉ hưu.

2. Sĩ quan Công an nhân dân có thời gian công tác trong Công an nhân dân đối với nam đủ 25 năm, nữ đủ 20 năm, nếu sức khỏe yếu, năng lực hạn chế, do yêu cầu công tác hoặc tự nguyện xin nghỉ thì được nghỉ hưu trước hạn tuổi.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể việc sĩ quan Công an nhân dân được nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ.

Chương IV

BIỆT PHÁI SĨ QUAN CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ THÂM QUYỀN ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 12. Biệt phái sĩ quan Công an nhân dân

1. Biệt phái sĩ quan Công an nhân dân gồm có:

a) Biệt phái Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và tình báo theo quy định của pháp luật;

b) Biệt phái sĩ quan Công an nhân dân đến công tác tại các cơ quan Đảng và Nhà nước.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự và thủ tục biệt phái sĩ quan Công an nhân dân

đến công tác tại các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Điều 13. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nhân dân biệt phái

1. Sĩ quan Công an nhân dân biệt phái theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định này được hưởng mọi chế độ, chính sách quy định tại các nghị định liên quan;

2. Sĩ quan Công an nhân dân biệt phái đến công tác tại các cơ quan của Đảng và Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định này được hưởng các chế độ, chính sách sau:

a) Khi được chọn cử, điều động đến công tác tại cơ quan ngoài Công an nhân dân, căn cứ vào yêu cầu tổ chức, phẩm chất, trình độ, năng lực, sĩ quan được xem xét, bổ nhiệm các chức vụ phù hợp tại các cơ quan đó. Quá trình công tác tại cơ quan ngoài Công an nhân dân nếu phát triển tốt thì được xem xét đưa vào quy hoạch, điều động về bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý, chỉ huy trong Công an nhân dân;

b) Sĩ quan Công an nhân dân được chọn cử đến công tác tại các cơ quan ngoài Công an nhân dân nếu không hoàn thành nhiệm vụ thì miễn chức vụ, điều động về Bộ Công an để bố trí công việc khác phù hợp;

c) Sĩ quan Công an nhân dân đang công tác tại các cơ quan ngoài Công an nhân dân được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các chế độ, chính sách khác đối với Sĩ quan Công an nhân dân;

d) Trường hợp do yêu cầu điều động trở lại phục vụ trong Công an nhân dân thì thời gian biệt phái được tính vào thời gian công tác liên tục để xét thăng cấp bậc hàm và thâm niên công tác;

đ) Sĩ quan Công an nhân dân đang công tác tại các cơ quan ngoài Công an nhân dân đến tuổi nghỉ hưu, được điều động về Bộ Công an để thực hiện chính sách theo quy định.

Điều 14. Thẩm quyền áp dụng biện pháp nghiệp vụ trong Công an nhân dân

1. Cơ quan và cán bộ chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia trong Công an nhân dân được áp dụng các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của Luật Công an nhân dân, Luật An ninh quốc gia và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đơn vị nghiệp vụ và cán bộ chuyên trách đấu tranh phòng, chống tội phạm thuộc lực lượng Cảnh sát nhân dân được áp dụng các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của Luật Công an nhân dân, Luật Phòng, chống ma túy và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương V

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 15. Bảo vệ, giữ bí mật đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp, tham gia, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân

1. Nhà nước bảo vệ, giữ bí mật đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp, tham gia, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

2. Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chế bảo vệ, giữ bí mật đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Chế độ chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội mà bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù, bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu

1. Điều kiện nghỉ hưu của sĩ quan được quy định cụ thể như sau:

a) Sĩ quan Công an nhân dân nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành;

b) Sĩ quan nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng khi hết hạn tuổi phục vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 của Luật Công an nhân dân và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên;

c) Sĩ quan nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Công an nhân dân khi có đủ các điều kiện sau:

- Nam sĩ quan đủ 25 năm, nữ sĩ quan đủ 20 năm công tác trong Công an nhân dân trở lên, nếu sức khỏe yếu, năng lực hạn chế.

Thời gian công tác trong Công an nhân dân bao gồm: thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên (học tại các trường Công an nhân dân hoặc gửi học tại các trường ngoài Công an nhân dân), công nhân, viên chức Công an nhân dân, trong đó có ít nhất 5 năm được tính thâm niên. Thời gian công tác trong Công an nhân dân được tính theo năm dương lịch (không quy đổi theo hệ số), nếu có thời gian đứt quãng thì được cộng dồn.

- Cơ quan, đơn vị Công an nhân dân không còn nhu cầu bố trí công tác hoặc cá nhân sĩ quan tự nguyện.

2. Cách tính lương hưu hàng tháng của sĩ quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành.

Điều 18. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân chuyển ngành

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyển ngành sang làm việc trong biên chế tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước, công ty nhà nước được hưởng các chế độ sau:

a) Được ưu tiên bố trí việc làm phù hợp với ngành nghề chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ; được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết phù hợp với công việc đảm nhiệm;

b) Được miễn thi tuyển nếu chuyển ngành về cơ quan cũ hoặc chuyển ngành theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được sắp xếp làm việc phù hợp chuyên môn nghiệp vụ;

c) Được ưu tiên cộng thêm điểm vào kết quả thi tuyển khi thi tuyển công chức. Mức điểm ưu tiên do Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan, tổ chức có liên quan quy định cụ thể;

d) Được xếp và hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới kể từ ngày có quyết định chuyển ngành. Trường hợp hệ số lương theo ngạch, bậc được xếp thấp hơn hệ số lương cấp bậc hàm

của sĩ quan, hạ sĩ quan được hưởng tại thời điểm chuyển ngành thì được bảo lưu phần chênh lệch giữa hệ số mức lương tại thời điểm chuyển ngành (bao gồm cả phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có đối với chức danh chuyên môn kỹ thuật) với hệ số lương theo ngạch, bậc được xếp khi chuyển ngành trong thời gian tối thiểu là 18 tháng kể từ khi có quyết định chuyển ngành và do cơ quan, đơn vị mới chi trả. Việc tiếp tục cho hưởng lương bảo lưu ngoài thời gian 18 tháng do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức xem xét, quyết định phù hợp với tương quan tiền lương nội bộ. Trong thời gian hưởng bảo lưu lương thì hệ số chênh lệch bảo lưu giảm tương ứng khi cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương hoặc được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung trong ngạch hoặc được nâng ngạch;

đ) Trường hợp do yêu cầu điều động trở lại phục vụ trong Công an nhân dân thì thời gian chuyển ngành được tính vào thời gian công tác liên tục để xét thăng cấp bậc hàm, thâm niên công tác;

e) Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đã chuyển ngành khi nghỉ hưu, cách tính lương hưu quy định cụ thể như sau:

- Được lấy mức lương làm căn cứ tính lương hưu tại thời điểm nghỉ hưu cộng thêm khoản phụ cấp thâm niên tính theo thời gian công tác trong Công an nhân

dân của mức lương sĩ quan, hạ sĩ quan tại thời điểm chuyển ngành (quy đổi theo lương cấp bậc hàm tương đương tại thời điểm nghỉ hưu) để làm cơ sở tính lương hưu;

- Trường hợp mức lương hưu tính theo lương hưu tại thời điểm nghỉ hưu cộng thêm khoản phụ cấp thâm niên tính theo thời gian công tác thấp hơn mức lương hưu tính theo mức lương của sĩ quan, hạ sĩ quan tại thời điểm chuyển ngành, thì được lấy mức lương tại thời điểm chuyển ngành để làm căn cứ tính lương hưu.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyển sang làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị khác không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được hưởng trợ cấp thôi phục vụ trong Công an nhân dân theo quy định khoản 3 Điều 19 Nghị định này và được bảo lưu phần bảo hiểm xã hội của thời gian công tác trong Công an nhân dân.

Điều 19. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân thôi phục vụ trong Công an nhân dân

Sĩ quan, hạ sĩ quan thôi phục vụ trong Công an nhân dân mà không đủ điều kiện để nghỉ hưu hoặc không chuyển ngành thì xuất ngũ về địa phương và được hưởng các chế độ sau:

1. Được trợ cấp tạo việc làm theo quy định của Nhà nước; được ưu tiên vào học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các

trung tâm dịch vụ việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác; được ưu tiên tuyển chọn theo các chương trình hợp tác đưa người đi lao động nước ngoài.

2. Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Được trợ cấp xuất ngũ một lần: cứ mỗi năm công tác được tính bằng một tháng tiền lương hiện hưởng và phụ cấp (nếu có).

Thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp xuất ngũ một lần là tổng thời gian công tác trong Công an nhân dân (bao gồm thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên, công nhân, viên chức Công an nhân dân); thời gian công tác trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức xã hội, đoàn thể ở Trung ương, địa phương và thời gian làm hợp đồng có đóng bảo hiểm xã hội (nếu có).

4. Sĩ quan, hạ sĩ quan đã xuất ngũ về địa phương trong thời gian không quá 01 năm (12 tháng) kể từ ngày quyết định xuất ngũ có hiệu lực, nếu tìm được việc làm mới, có yêu cầu chuyển ngành thì được thực hiện chế độ chuyển ngành. Khi thực hiện chế độ chuyển ngành thì phải hoàn lại khoản trợ cấp đã nhận theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 20. Quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ khi sĩ quan nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi phục vụ trong Công an nhân dân

Sĩ quan Công an nhân dân có thời gian công tác ở địa bàn hoặc công việc có tính chất đặc thù thì được quy đổi thời gian đó để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi phục vụ trong Công an nhân dân như áp dụng đối với sĩ quan Quân đội nhân dân, quy định tại các khoản 2, 3 Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 04/2001/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân năm 1999 về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc chuyển sang công chức quốc phòng.

Điều 21. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân chuyển sang công nhân, viên chức Công an nhân dân

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc diện chuyển sang công nhân, viên chức Công an nhân dân được xếp lương theo công việc mới đảm nhiệm. Trường hợp hệ số mức lương mới được xếp thấp hơn hệ số mức lương tại thời điểm chuyển sang công nhân, viên chức Công an nhân dân thì được bảo lưu phần chênh lệch giữa hệ

số mức lương của sĩ quan, hạ sĩ quan với hệ số mức lương mới cho đến khi được nâng lương bằng hoặc cao hơn.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan đã chuyển sang công nhân, viên chức Công an nhân dân được điều động trở lại hoặc nghỉ hưu, được thực hiện các chế độ quy định tại các điểm đ, e khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

Điều 22. Kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ, chính sách

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ: trợ cấp tạo việc làm, trợ cấp thôi phục vụ trong Công an nhân dân quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 19; chi trả đào tạo, chi trả phần chênh lệch do bảo lưu lương của sĩ quan, hạ sĩ quan chuyển ngành quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 18 đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước; chi trả một lần đối với thời gian quy đổi được quy định tại Điều 20; chi trả phần chênh lệch do bảo lưu lương của sĩ quan, hạ sĩ quan chuyển sang công nhân, viên chức Công an nhân dân và kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bổ sung cho thời gian là hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn của sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân.

Kinh phí thực hiện chi trả đào tạo và

chi trả phần chênh lệch do bảo lưu lương của sĩ quan, hạ sĩ quan sau khi chuyển ngành sang doanh nghiệp nhà nước được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc chi phí kinh doanh.

2. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 23. Khen thưởng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp, tham gia, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, viên chức Công an nhân dân có thành tích trong chiến đấu, công tác thì tùy theo công trạng được xét tặng thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước và các hình thức khen thưởng khác theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn.

2. Trường hợp do yêu cầu bảo vệ bí mật công tác, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, viên

chức Công an nhân dân không công bố công khai.

3. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có thành tích đặc biệt xuất sắc trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội thì ngoài việc được tặng thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước còn được Nhà nước và Bộ Công an xét thưởng vật chất theo quy định.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau

15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với quy định của Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng